

Bản án số: 458/2024/HS-PT

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Tấn Hoàng**

[illegible]

- *Thư ký phiên tòa:* ông **Phạm Văn Phong**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại điểm cầu Trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu Thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, xét xử phúc thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án sự thụ lý số 400/2024/TLPT-HS ngày 29 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo **Minh T** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, “*Sử dụng con dấu, tài liệu giả cơ quan, tổ chức*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ bộ số 39/2024/HS-ST ngày 21-6-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Bị cáo có kháng cáo:

Tô Minh T (tên gọi khác: T1), sinh ngày 23/10/1983 tại tỉnh Phú Yên. Nơi ở: **Thôn C, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên**. Nghề nghiệp: Lái xe. Trình độ văn hóa: 9/12, giới tính: Nam, dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chồng **Tô Minh Q**, sinh năm 1948 và bà **Đoàn Thị H**, sinh năm 1955, vợ tên thật **Thị Thu T2**, sinh năm 1985 và 03 con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt giam từ ngày 23/3/2023 đến nay, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ **g an thị xã S, tỉnh Phú Yên**, có mặt.

- *Người bị hại:*

1. Cao Văn T3, sinh năm 1986, nơi cư trú: Thôn C, xã X, thị xã S, tỉnh Yên, vắng mặt.

2. Trần Minh Khánh N, sinh năm 1984, nơi cư trú: A N, phường P, TP ., tỉnh Phú Yên. Nơi ở hiện tại: 0 N, phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

3. Nguyễn Thị M (tên gọi khác Sáu T4), sinh năm 1967, nơi cư trú: Thôn C, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

4. Tô Thị T5, sinh năm 1958, nơi cư trú: Thôn B, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2016, Tô Minh T thành lập doanh nghiệp tư nhân D, hoạt động kinh doanh vận chuyển hàng hóa. Ngày 28/9/2018, UBND thị xã S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 913392 đối với thửa đất số 220, tờ bản đồ số 22, diện tích 169 m² thuộc thôn B, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên cho vợ chồng Tô Minh T, Huỳnh Thị Thu T2. Để phục vụ hoạt động kinh doanh, từ tháng 10/2019 đến tháng 11/2021, vợ chồng Tô Minh T đã vay tiền ngân hàng, vay mượn tiền của nhiều người với tổng số tiền 2.945.000.000 đồng, thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho chị Nguyễn Thị N1 vào ngày 01/10/2021. Năm 2021, do dịch bệnh Covid-19 việc kinh doanh khó khăn, làm ăn thua lỗ nên Tô Minh T mất khả năng trả nợ. Để có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, Tô Minh T sử dụng 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả của thửa đất trên đem thế chấp cho người khác vay tiền; đưa ra thông tin gian dối là vay tiền để mua tôm hùm bán, rủ người khác cùng góp vốn kinh doanh vận chuyển cáng gia súc nhưng sau khi nhận được tiền Tô Minh T sử dụng vào việc trả nợ, tiêu xài cá nhân. Với thủ đoạn như trên, từ tháng 3/2021 đến tháng 11/2022, Tô Minh T đã chiếm đoạt của các bà Nguyễn Thị M, Tô Thị T5, các anh Cao Văn T3, Trần Minh Khánh N với tổng số tiền 1.240.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Khoảng tháng 3/2021, Tô Minh T tìm kiếm trên facebook tài khoản nhận làm giấy tờ, tài liệu giả, sau đó có tài khoản (không xác định) liên hệ với Tô Minh T qua zalo nhận làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho Tô Minh T với giá 13.000.000 đồng. Tô Minh T chụp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật, gửi qua Zalo cho người này. Khoảng đầu tháng 4/2021, một nhân viên giao hàng (không xác định) giao 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho Tô Minh T, Tô Minh T trả 13.000.000 đồng cho người giao hàng. Khoảng tháng 4/2021, Tô Minh T sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này thế chấp cho bà Nguyễn Thị M vay 200.000.000 đồng, lãi suất vay 3%/tháng, Tô Minh T viết giấy vay tiền đưa cho bà M cất giữ. Ngày 21/4/2021, Tô Minh T

tiếp tục thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này vay thêm 100.000.000 đồng, **Tô Minh T** viết lại giấy mượn tiền với số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất vay 3%/tháng, hủy giấy mượn tiền 200.000.000 đồng trước đó. **Tô Minh T** đã trả cho bà **M** 16.000.000 đồng tiền lãi.

Ngày 22/11/2021, mặc dù không mua bán tôm hùm và **Tô Minh T** biết không đủ khả năng trả nợ nhưng **Tô Minh T** nói dối bà **M** vay 200.000.000 đồng để mua tôm hùm bán, hẹn 10 ngày sau khi bán tôm hùm sẽ trả. Tin lời của **Tô Minh T**, bà **M** cho **Tô Minh T** vay 200.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Bà **M** chuyển vào tài khoản của **Tô Minh T** số tiền 175.000.000 đồng, còn lại 25.000.000 đồng **Tô Minh T** trả tiền lãi cho khoản vay 300.000.000 đồng của bà **M** trước đó. **Tô Minh T** sử dụng tiền vay của bà **M** trả nợ và tiêu xài cá nhân, chiếm đoạt của bà **M** 500.000.000 đồng.

Từ năm 2016 đến tháng 03/2020, **Tô Minh T** ký hợp đồng vận chuyển cám gia súc với Công ty X, ở F H, quận T, TP .. **Tô Minh T** có thuê xe của anh **Trần Minh Khánh N** vận chuyển cám gia súc nguyên liệu từ Bình Định đi các tỉnh phía Bắc. Tháng 02/2022, **Tô Minh T** không còn kinh doanh vận chuyển cám gia súc nhưng do cần tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, **Tô Minh T** nói dối anh **Nghĩa là Tô Minh T** đang đầu tư vận chuyển cám gia súc nguyên liệu từ Bình Định đi các tỉnh phía Bắc thu lợi nhuận cao, **Tô Minh T** không đủ vốn nên rủ **N** tham gia hùn vốn kinh doanh chung; lợi nhuận **N** được hưởng là 20.000 đồng/1 tấn hàng, một tháng **Nghĩa** sẽ được hưởng lợi khoảng 30.000.000 đồng/1.500 tấn hàng. Tin lời **Tô Minh T** nói, **N** đồng ý góp 500.000.000 đồng. Ngày 08/3/2022, **N** chuyển 80.000.000 đồng và ngày 11/3/2022, **N** chuyển 420.000.000 đồng vào tài khoản số 4603205196865 của **Tô Minh T** tại Ngân hàng N2 chi nhánh P. **Tô Minh T** sử dụng số tiền này trả nợ cho nhiều người và sử dụng tiêu xài cá nhân, chiếm đoạt của **N** 500.000.000 đồng.

Khoảng tháng 9/2022, **Tô Minh T** tiếp tục gửi thông tin giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật như trên cho một tài khoản Zalo (không xác định) đặt làm 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả với số tiền 8.000.000 đồng. Khoảng 01 tuần sau, **Tô Minh T** nhận được 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả (có hình con dấu giả) qua người giao hàng (không xác định). Ngày 04/10/2022, **Tô Minh T** hỏi vay bà **Tô Thị T5** số tiền 200.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà **T5** đồng ý. Khi bà **T5** đem 200.000.000 đồng đến nhà **Tô Minh T** thì **Tô Minh T** không có ở nhà, **Tô Minh T** gọi điện thoại cho chị **T2** (vợ của **Tô Minh T**) bảo lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cất trong tủ đưa cho bà **T5** giữ. Vì tin tưởng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này là thật nên bà **T5** đồng ý cho **Tô Minh T** vay 200.000.000 đồng, với lãi suất 2,5%/tháng. Bà **T5** đưa 200.000.000 đồng cho chị **T2**, chị **T2** ký tên vào giấy mượn tiền, vài ngày sau **Tô Minh T** về ký tên vào giấy mượn tiền này. **Tô Minh T** chiếm đoạt của bà **T5** 200.000.000 đồng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Khoảng tháng 11/2022, **Tô Minh T** tiếp tục dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả còn lại thế chấp cho anh **Cao Văn T3**, vì tin tưởng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này là thật nên anh **T3** cho **Tô Minh T** vay số tiền 40.000.000 đồng, với lãi suất 6%/tháng. **Tô Minh T** sử dụng tiền vay của anh **T3** trả nợ và tiêu xài cá nhân, chiếm đoạt của anh **T3** 40.000.000 đồng.

Kết luận giám định số 119 ngày 23/3/2023; số 206 ngày 19/5/2023; số 555 ngày 10/11/2023 của **Phòng K Công an tỉnh P** kết luận: 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cùng thông tin số CN 913392 đứng tên **Tô Minh T** và **Huỳnh Thị Thu T2**, của thửa đất số 220, tờ bản đồ số 22, diện tích 169 m², địa chỉ thôn B, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên mà **Tô Minh T** thế chấp cho các bà **Nguyễn Thị M**, **Tô Thị T5** và anh **Cao Văn T3** đều là giả; hình dấu tròn “**Ủy ban nhân dân thị xã S**” được đóng trên 03 giấy chứng nhận này là giả; làm giả bằng phương pháp in phun màu.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2024/HS-ST ngày 21-6-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo **Tô Minh T** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

1. Hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Tô Minh T** 12 (Mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Tô Minh T** 03 (Ba) năm tù về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo **Tô Minh T** phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 15 (Mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/3/2023.

2. Trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự.

- Buộc bị cáo **Tô Minh T** có trách nhiệm trả cho **Nguyễn Thị M** số tiền 500.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo **Tô Minh T** có trách nhiệm trả cho **Tô Thị T5** số tiền 200.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo **Tô Minh T** có trách nhiệm trả cho **Trần Minh Khánh N** số tiền 500.000.000 đồng, bị cáo **Tô Minh T** đã trả trước số tiền 25.000.000 đồng nên còn phải tiếp tục trả số tiền 475.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phân xử lý vật chứng, án phí

và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 23-6-2024, bị cáo **Tô Minh T** có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, lời khai của bị cáo và kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận của bị cáo, người bị hại và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an tỉnh P** quá trình điều tra, truy tố và xét xử ở cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 3 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **Tô Minh T** không yêu cầu Luật sư bào chữa cho bị cáo nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của bị cáo, tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Xét nội dung kháng cáo:

[2.1]. Về tội danh và điều khoản luật áp dụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với các chứng cứ khác nên có đủ cơ sở xác định: Từ tháng 3/2021 đến tháng 11/2022, để có tiền trả nợ do kinh doanh thua lỗ và tiêu xài cá nhân, **Tô Minh T** đã đặt mua và sử dụng 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả có thông tin trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 913392 đối với thửa đất số 220, tờ bản đồ số 22, diện tích 169 m² thuộc **thôn B, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên** do vợ chồng **Tô Minh T, Huỳnh Thị Thu T2** đứng tên. Sau đó, **T** đem thế chấp cho các ông bà **Nguyễn Thị M, Tô Thị T5, Cao Văn T3, Trần Minh Khánh N** để vay với tổng số tiền 1.240.000.000 đồng; đưa ra thông tin gian dối là vay tiền để mua tôm hùm bán, rủ người khác cùng góp vốn kinh doanh vận chuyển cá gia súc... nhưng thực tế sau khi nhận được tiền, **Tô Minh T** đã sử dụng vào việc trả nợ, tiêu xài cá nhân.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo **Tô Minh T** phạm tội “Lừa

đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Xét tính chất hành vi và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo:

Quyền sở hữu về tài sản luôn được pháp luật bảo vệ, bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức hành vi của mình là sai trái và vi phạm pháp luật. Xong vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ, bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối để vay mượn tiền rồi chiếm đoạt tài sản của người khác. Đồng thời, bị cáo còn có hành vi “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, xâm phạm đến sự an toàn của con dấu và các tài liệu, giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức trong hoạt động quản lý hành chính của Nhà nước nên cần áp dụng hình phạt đủ nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

Xét thấy, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo phạm tội từ 02 lần trở lên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ, xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và 12 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, cả 02 mức án này đều là mức hình phạt đầu khung của tội mà bị cáo bị truy tố và xét xử. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt nhưng không cung cấp được chứng cứ, tài liệu nào mới. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm (theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Tô Minh T**, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2024/HS-ST ngày 21-6-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên về phần hình phạt đối với bị cáo **Tô Minh T**.

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo **Tô Minh T** 12 (Mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm

đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo **Tô Minh T** 03 (Ba) năm tù về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo **Tô Minh T** phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 15 (Mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/3/2023.

2. Về án phí: Bị cáo **Tô Minh T** phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Phú Yên;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Phú Yên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Phú Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Cục THA dân sự tỉnh Phú Yên;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tấn Hoàng